

Lý luận về phương pháp đánh giá các loại tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

ĐỖ VĂN PHÚC

Khi có cạnh tranh, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp Việt Nam muốn đạt được hiệu quả cao nhất thì phải đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới căn cứ giải quyết các vấn đề quản lý chiến lược và quản lý điều hành, trong đó có vấn đề đánh giá và cải thiện các loại tình hình. Như vậy, doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thường xuyên có nhu cầu đánh giá và cải thiện các loại tình hình. Ở Việt Nam, từ trước tới nay trong lý luận chưa có phương pháp luận và trong thực tiễn chưa có phương pháp đánh giá tình hình cụ thể của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp một cách thuyết phục. Trong bài viết này, tác giả là người đầu tiên công bố kết quả nghiên cứu: lý luận về phương pháp (phương pháp luận) đánh giá các loại tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và phương pháp đánh giá một số tình hình cụ thể của loại doanh nghiệp này.

Trong thực tế của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp luôn có các loại tình hình cần được đánh giá như: tình hình tài chính, tình hình hiệu quả, tình hình tiêu thụ sản phẩm, tình hình chất lượng sản phẩm, tình hình đảm bảo và sử dụng các loại nhân lực chất lượng cao, tình hình đảm bảo và sử dụng tài sản cố định, tình hình đảm bảo và sử dụng vật tư, tình hình chất lượng quản lý hoạt động, tình hình chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý... Trong khi đó trong lý luận và thực tiễn Việt Nam, các phương pháp đánh giá tình hình nói chung, tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nói riêng từ trước đến nay có các thành tố chưa được hệ thống hóa, chưa cho phép đi đến kết luận chung kết về mức độ tốt (xấu).

Muốn đánh giá bất kỳ tình hình nào của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, cần sử dụng phương pháp đánh giá. Kết quả đánh giá tình hình chỉ có sức thuyết phục cao khi nó dưới dạng chung kết định lượng, tức là cho phép nhận biết, kết luận cuối cùng được tình hình tốt (xấu) đến mức độ nào. Kết quả đánh giá tình hình chỉ có được dưới dạng chung kết định lượng khi phương pháp được

chọn dùng hoặc được thiết lập trên cơ sở cách tiếp cận khoa học nhất và đầy đủ các căn cứ tương đối chính xác.

Vận dụng “Lý luận về phương pháp đánh giá tình hình”¹, tác giả thiết lập phương pháp đánh giá các loại tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp theo tiến trình như sau:

Phương pháp đánh giá các loại tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp được thiết lập phải đáp ứng nhu cầu sử dụng, chuyển thành các yêu cầu sử dụng sau đây:

- Đảm bảo đánh giá đúng bản chất của loại tình hình cần được đánh giá.
- Đảm bảo đánh giá đầy đủ các mặt của loại tình hình cần đánh giá.
- Cho phép kết luận được mức độ của thực trạng từng mặt và của toàn bộ tình hình.
- Đảm bảo mức độ tin cậy (mức độ chính xác, mức độ sát đúng) cho phép.

Đỗ Văn Phúc, GS.TS., Trường đại học Bách khoa Hà Nội.

GS, TS Đỗ Văn Phúc, *Lý luận về phương pháp đánh giá tình hình*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số tháng 10-2009.

Để đáp ứng các yêu cầu sử dụng nêu trên, theo chúng tôi một phương pháp đánh giá tình hình của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp được thiết lập phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật nghiệp vụ sau đây:

- Có bộ chỉ số (tiêu chí) bám sát và bao quát bản chất của tình hình cần đánh giá.
- Có bộ dữ liệu đảm bảo chất lượng.
- Có các chuẩn so sánh chấp nhận được.
- Có cách định lượng, đánh giá từng tiêu chí và toàn bộ tình hình tương đối hợp lý.

• **Về bộ chỉ số phản ánh tình hình:** bất kỳ tình hình nào của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp cũng cần được nhận biết, đánh giá. Bất kỳ tình hình nào cũng phức tạp. Nêu tình hình bằng một vài hiện tượng hoặc bằng một số số liệu thì khó lồi cuồn, thuyết phục được nhiều người. Một chỉ số phản ánh một phần, một mặt của tình hình, không phản ánh hết tình hình. Các chỉ số phản ánh rời rạc tình hình. Cần có một bộ (hệ thống) chỉ số. Từng chỉ số phải được thiết lập xuất phát từ bản chất của tình hình. Bộ chỉ số phải vừa đủ bao quát hết tình hình (xem các ví dụ).

Nhiều trường hợp tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp đạt sản lượng tiêu thụ, doanh thu, thị phần cao lại có hiệu quả kinh doanh thấp hoặc rất thấp. Đó là những trường hợp tình hình tiêu thụ không tốt. Trường hợp tình hình tiêu thụ sản phẩm tốt chắc chắn phải là những trường hợp doanh nghiệp đạt doanh thu cao, có lãi, mức chi phí cho công tác tiêu thụ trong khoảng chấp nhận được...

• **Về bộ dữ liệu dùng để tính toán các tiêu chí phản ánh tình hình:** trên thực tế của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, có một số bộ dữ liệu là kết quả thống kê tự động, trực tiếp nên được tin dùng; ở nhiều doanh nghiệp vẫn còn tồn tại 3 dạng số liệu với mức độ sát đúng thực tế khác nhau: dạng số liệu cho lãnh đạo chủ chốt, dạng số liệu cho toàn bộ cán bộ viên chức, dạng số liệu cho các cơ quan quản lý nhà nước. Ở Việt Nam thời kỳ quản lý theo kiểu hành chính áp đặt,

trên hình thức – dưới đối phó..., nhiều loại số liệu thiếu, nhiều loại khác không chính xác; khi không biết chọn dùng, không xử lý, không bổ sung số liệu...; sử dụng số liệu không hoàn toàn sát đúng, chúng ta sẽ có các kết quả tính toán kém chính xác, dẫn đến kết luận đánh giá tình hình và đề ra các giải pháp sai lệch. Trong các trường hợp đó, cần sử dụng kết hợp các dữ liệu thống kê với các dữ liệu điều tra, khảo sát từ nhiều phía, từ những người trong cuộc, am hiểu, tâm huyết thuộc nhiều loại đối tượng. Ví dụ, dữ liệu về chất lượng quản lý doanh nghiệp phải là kết quả điều tra, khảo sát những người quản lý của doanh nghiệp đó, am hiểu về lý thuyết quản lý hoạt động của doanh nghiệp cụ thể, tâm huyết với sự nghiệp của doanh nghiệp đó. Một số đại diện cho đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, một số đại diện cho những người chịu tác động của quản lý doanh nghiệp và một số đại diện cho những người là cấp trên của doanh nghiệp (xem các ví dụ).

• **Về chuẩn so sánh:** ý kiến, kết luận đánh giá chỉ có được sau khi so sánh với chuẩn (chuẩn mốc, chuẩn mực...) nào đó. So sánh với các chuẩn khác nhau dẫn đến ý kiến, kết luận đánh giá khác nhau. Ở Việt Nam từ trước đến nay thiếu nhiều loại tiêu chuẩn (chuẩn mốc, chuẩn mực...), hoặc có nhiều loại chuẩn không thực sự là chuẩn. Khi chúng ta muốn tạo lập trật tự mới, khoa học quản lý, sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất cao, cần có đầy đủ các loại chuẩn mực và từng tiêu chuẩn phải thực sự là chuẩn. Có được những thứ quý giá đó cần sử dụng trí tuệ cao, chi phí đủ lớn và cần có thời gian. Khi chưa có được những nguồn lực, chuẩn mực như vậy để nghiên cứu tạo ra các chuẩn hoàn toàn là chuẩn, chúng ta phải có các chuẩn so sánh chấp nhận được, tạm coi là chuẩn. Đối với doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, khi có cạnh tranh từ đáng kể trở lên, chuẩn so sánh là mức kế hoạch, là mức đạt của năm trước cho kết quả so sánh ít ý nghĩa, chuẩn so sánh

tốt nhất phải là của đối thủ cạnh tranh thành công hoặc là kết quả xin ý kiến chuyên gia (xem các ví dụ).

• **Về đánh giá định lượng, chung kết:** luôn có nhu cầu nhận biết tình hình một cách chung kết định lượng; yêu cầu kết luận cuối cùng về tình hình: tốt hay xấu, đến mức độ nào. Đánh giá rồi rạc theo các tiêu chí không thỏa mãn được nhu cầu đó. Do vậy, cần có ba

rem điểm cho từng tiêu chí phân biệt trọng số ở điểm tối đa; căn cứ vào trị số mà doanh nghiệp cụ thể đạt được với trị số tối đa và điểm tối đa của tiêu chí đó để cho điểm từng tiêu chí. Tổng điểm của các tiêu chí so với điểm tối đa là kết quả đánh giá chung kết định lượng tình hình cụ thể của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp (xem các ví dụ sau).

VÍ DỤ 1: Bảng tóm lược phương pháp đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Bộ chỉ số	Cách xác định	Chuẩn so sánh để đánh giá	Điểm tối đa
1. Mức độ tăng tiêu thụ với mức giá và chất lượng sản phẩm ít thay đổi (TT1)	$(TT1 - TT0)/TT0 \times 100\%$	Mức trung bình của nhóm doanh nghiệp cùng loại thành đạt	30
2. Mức độ tiêu thụ sản phẩm mới (TTsfm)	$TTsfm/TT1 \times 100\%$	Mức trung bình của nhóm doanh nghiệp cùng loại thành đạt	20
3. Mức độ hàng tồn kho (Htk)	$Htk/H1 \times 100\%$	Mức trung bình của nhóm doanh nghiệp cùng loại thành đạt	20
4. Mức chi cho hoạt động tiêu thụ (Ctt) trên một triệu đồng doanh thu (DT)	$Ctt (1000d)/DT (tr)$	Mức trung bình của nhóm doanh nghiệp cùng loại thành đạt	30

Tình hình tiêu thụ tốt: 75 – 100 điểm
 Tình hình tiêu thụ bình thường: 51–74 điểm

Tình hình tiêu thụ không tốt: dưới 50 điểm

VÍ DỤ 2: Bảng tóm lược phương pháp đánh giá chung kết định lượng tình hình chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Bộ chỉ số	Cách xác định	Chuẩn so sánh để đánh giá	Điểm tối đa
1. Mức độ đạt chất lượng sản phẩm về mặt số lượng	Số sản phẩm đạt chất lượng/Toàn bộ sản phẩm x 100%	Mức đạt của đối thủ cạnh tranh thành công; theo chuyên gia	20
2. Mức độ đạt chất lượng sản phẩm về giá trị	Giá trị số sản phẩm đạt chất lượng/Giá trị toàn bộ sản phẩm x 100%	Mức đạt của đối thủ cạnh tranh thành công; theo chuyên gia	30
3. Mức độ đạt chất lượng sản phẩm về mặt cơ cấu	Giá trị số sản phẩm đúng cơ cấu đạt chất lượng /Giá trị toàn bộ sản phẩm x 100%	Mức đạt của đối thủ cạnh tranh thành công; theo chuyên gia	20
4. Mức độ chi phí cho khắc phục sản phẩm chưa đạt chất lượng	Chi phí khắc phục số sản phẩm chưa đạt chất lượng /Doanh thu toàn bộ sản phẩm x 100%	Mức đạt của đối thủ cạnh tranh thành công; theo chuyên gia	15
5. Mức độ tổn hại do sản phẩm không đạt yêu cầu chất lượng	Trị giá tất cả các loại tổn hại/Toàn bộ tài sản x 100%	Mức đạt của đối thủ cạnh tranh thành công; theo chuyên gia	15

Xếp loại	Khoảng điểm
Loại A	75 – 100
Loại B	51 – 74
Loại C	Dưới 50

VÍ DỤ 3: Bảng tóm lược phương pháp đánh giá kết định lượng tình hình giữ và tăng thêm loại nhân lực chất lượng cao (NL CLC) của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp

Bộ chỉ số	Cách xác định	Chuẩn so sánh để đánh giá	Điểm tối đa
1. Mức độ (%) đi khỏi doanh nghiệp của NL CLC theo nguyện vọng cá nhân	Số NL CLC đi khỏi doanh nghiệp / Toàn bộ NL CLC x 100%	Mức độ của đối thủ cạnh tranh thành đạt hoặc theo ý kiến chuyên gia	30
2. Mức độ (%) tổn thất cho doanh nghiệp do NL CLC đi khỏi doanh nghiệp theo nguyện vọng cá nhân	Số tiền tổn thất/ Doanh thu x 100%	Mức độ của đối thủ cạnh tranh thành đạt hoặc theo ý kiến chuyên gia	20
3. Mức độ (%) thu hút thêm được NL CLC cho phát triển hoạt động của doanh nghiệp	Số NL CLC thu hút thêm được/ Toàn bộ NL CLC x 100%	Mức độ của đối thủ cạnh tranh thành đạt hoặc theo ý kiến chuyên gia	30
4. Mức độ (%) chi cho thu hút thêm được NL CLC cho phát triển hoạt động của doanh nghiệp.	Số tiền chi thu hút/ Doanh thu x 100%	Mức độ của đối thủ cạnh tranh thành đạt hoặc theo ý kiến chuyên gia	20

Nếu cho số điểm nghịch biến với trị số của chỉ số 1, 2, 4 và thuận biến với trị số của chỉ số 3 thì: dưới 50 điểm - tình hình rất xấu; từ 51 đến 65 điểm - tình hình xấu; từ 66 đến 75 điểm - tình hình bình thường; từ 76 đến 85 điểm - tình hình tốt; trên 85 điểm - tình hình rất tốt.

VÍ DỤ 4: Bảng tóm lược phương pháp đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của doanh nghiệp

Bộ chỉ số	Phương pháp xác định	Chuẩn so sánh	Điểm tối đa
1. Mức độ thay người của máy móc thiết bị	Số lượng người được thay thế/Toàn bộ số người làm việc trước ứng dụng CNTT x 100%	Mức đạt của tổ chức cùng loại thành công hoặc của chuyên gia	25
2. Số tiền chi cho thay 1 người quy tính	Toàn bộ số tiền chi cho ứng dụng CNTT/Số người được thay thế quy tính	Mức đạt của tổ chức cùng loại thành công hoặc của chuyên gia	25
3. Tỷ trọng CNTT tiên tiến nhất được ứng dụng	Giá trị của CNTT tiên tiến/Toàn bộ giá trị CNTT được ứng dụng	Mức đạt của tổ chức cùng loại thành công hoặc của chuyên gia	15
4. Mức độ rút ngắn chu kỳ (Tck) hoàn thành của các loại công việc chính	Tck trước khi / Tck sau khi/Tck trước khi x 100%	Mức đạt của tổ chức cùng loại thành công hoặc của chuyên gia	20
5. Mức độ giảm sai lỗi ở các loại công việc chính	Số lượng sai lỗi trước khi ứng dụng CNTT / Số lượng sai lỗi sau khi/ Số lượng sai lỗi trước khi x 100%	Mức đạt của tổ chức cùng loại thành công hoặc của chuyên gia	15

Tình hình ứng dụng CNTT tốt: 75 – 100 điểm; tình hình ứng dụng CNTT trung bình:

51 – 74 điểm; tình hình ứng dụng CNTT chưa tốt: dưới 50 điểm.

VÍ DỤ 5: Bảng tóm lược phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu hiệu quả	Cách xác định	Chuẩn so sánh	Điểm tối đa
1. Lợi nhuận	Doanh thu toàn bộ chi phí tạo ra doanh thu đó	Mức trung bình của các đối thủ cạnh tranh thành đạt	30
2. ROA	Lợi nhuận/Toàn bộ tài sản tạo ra lợi nhuận đó	Mức trung bình của các đối thủ cạnh tranh thành đạt	70

Dưới 50 điểm: hiệu quả thấp; từ 50 đến 69 điểm: hiệu quả trung bình; từ 70 điểm trở lên: hiệu quả cao./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Đỗ Văn Phúc, *Lý luận về phương pháp đánh giá tình hình*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số tháng 10-2009.

2. GS.TS. Đỗ Văn Phúc (2013), *Tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương*, Nxb Chính trị - Hành chính.

3. GS.TS. Đỗ Văn Phúc (2013), *Khoa học quản lý hoạt động doanh nghiệp*, Nxb Chính trị - Hành chính.